

Số: 2356 /QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ Chỉ số theo dõi, đánh giá cải cách hành chính của các Cục trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 1294/QĐ-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bộ Chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả cải cách hành chính (CCHC) của các Cục trực thuộc Bộ (sau đây viết tắt là Chỉ số CCHC) theo Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Theo dõi, đánh giá kết quả triển khai thực hiện CCHC hàng năm của các Cục trực thuộc Bộ.

Điều 3. Kết cấu của Chỉ số cải cách hành chính và thang điểm đánh giá

1. Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần

Bộ Chỉ số theo dõi, đánh giá CCHC của các Cục trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông được xác định trên 7 lĩnh vực, 37 tiêu chí và 80 tiêu chí thành phần, cụ thể như sau:

- Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC, gồm: 6 tiêu chí và 16 tiêu chí thành phần;

- Xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, gồm: 6 tiêu chí và 13 tiêu chí thành phần;
- Cải cách thủ tục hành chính, gồm: 6 tiêu chí và 13 tiêu chí thành phần;
- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, gồm: 4 tiêu chí và 7 tiêu chí thành phần;
- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức, gồm: 6 tiêu chí và 13 tiêu chí thành phần;
- Đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập, gồm: 6 tiêu chí và 6 tiêu chí thành phần;
- Hiện đại hoá hành chính, gồm: 3 tiêu chí và 12 tiêu chí thành phần.

Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC được quy định cụ thể tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Thang điểm đánh giá

Thang điểm đánh giá là 100, trong đó:

- Điểm tự đánh giá của đơn vị là: 80/100.
- Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học là: 20/100.

Thang điểm đánh giá được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Phương pháp đánh giá

1. Tự đánh giá của đơn vị: Các Cục tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của đơn vị và các tổ chức trực thuộc theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số CCHC và hướng dẫn của Bộ. Điểm các đơn vị tự đánh giá được thể hiện tại cột “tự đánh giá” của Phụ lục.

2. Đánh giá thông qua điều tra xã hội học: Số tiêu chí, tiêu chí thành phần đánh giá qua lấy phiếu điều tra là 18, được thể hiện tại cột “Ghi chú” và các dòng có chữ viết tắt “ĐTXHH” của Phụ lục. Việc điều tra xã hội học được tiến hành lấy ý kiến đánh giá của các nhóm đối tượng khác nhau trong Bộ Thông tin và Truyền thông, bao gồm: Thành viên Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban chỉ đạo CCHC của Bộ, thư ký Lãnh đạo Bộ, đại diện lãnh đạo và chuyên viên: Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Pháp chế, Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Bộ, Trung tâm Thông tin (danh sách do Vụ Tổ chức cán bộ đề xuất, Lãnh đạo Bộ phê duyệt).

Điểm tự đánh giá của các đơn vị sẽ được Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh. Điểm đánh giá qua phiếu điều tra xã hội học là điểm do Vụ Tổ chức cán bộ tổng hợp. Tổng hợp điểm qua lấy

phiếu điều tra và điểm Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC của Bộ là căn cứ để xác định Chỉ số CCHC cho từng đơn vị.

Chỉ số CCHC được xác định bằng tỷ lệ % giữa tổng điểm đạt được và tổng điểm tối đa (100 điểm).

Điều 5. Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC

Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông thành lập với thành phần là đại diện Lãnh đạo Bộ (làm Chủ tịch Hội đồng) và đại diện Lãnh đạo các đơn vị:

+ Vụ Tổ chức cán bộ (thẩm định điểm tự đánh giá của các đơn vị trong các lĩnh vực: Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC; Cải cách tổ chức bộ máy hành chính của đơn vị; Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức).

+ Vụ Pháp chế (thẩm định điểm tự đánh giá của các đơn vị trong các lĩnh vực: Cải cách thể chế và Cải cách thủ tục hành chính).

+ Vụ Kế hoạch - Tài chính (thẩm định điểm tự đánh giá của các đơn vị trong các lĩnh vực: Đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập).

+ Vụ Khoa học và Công nghệ (thẩm định điểm tự đánh giá của các đơn vị trong việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng trong hoạt động của đơn vị).

+ Trung tâm Thông tin (thẩm định điểm tự đánh giá của các đơn vị đối với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của đơn vị).

Hội đồng thẩm định có Tổ giúp việc là đại diện chuyên viên các đơn vị thẩm định chuyên môn. Cơ quan thường trực của Hội đồng là Vụ Tổ chức cán bộ.

Định kỳ hàng năm, sau khi các đơn vị thực hiện tự đánh giá, chấm điểm kết quả CCHC của đơn vị mình và gửi về cơ quan thường trực của Hội đồng, Hội đồng thẩm định tổ chức họp, xem xét, thông qua kết quả chấm điểm chỉ số CCHC của từng đơn vị, xác định xếp hạng chỉ số CCHC của đơn vị, xem xét các trường hợp đặc thù và trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt, công bố kết quả.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Vụ Tổ chức cán bộ:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn các Cục triển khai áp dụng Chỉ số CCHC.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch kèm theo dự toán kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện sau khi kế hoạch được phê duyệt.

- Tập huấn, bồi dưỡng cho công chức chuyên trách CCHC của các Cục về công tác theo dõi, đánh giá và xác định Chỉ số CCHC.

- Theo dõi, đôn đốc các Cục triển khai thực hiện kế hoạch xác định Chỉ số CCHC.

- Xác định nhóm đối tượng, quy mô mẫu phiếu, câu hỏi điều tra; chủ trì tổ chức lấy phiếu điều tra.

- Tổng hợp, xử lý số liệu thu thập được để xác định Chỉ số CCHC và xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả xác định Chỉ số CCHC trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan công bố kết quả Chỉ số CCHC hàng năm.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát nội dung Chỉ số CCHC để trình Bộ trưởng quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế của Bộ.

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Bộ: Phân bổ kinh phí và phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ lập dự toán kinh phí để thực hiện Chỉ số CCHC.

3. Các Vụ: Pháp chế; Khoa học và Công nghệ; Kế hoạch - Tài chính và Trung tâm thông tin chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ trong việc theo dõi, đánh giá CCHC đối với từng lĩnh vực theo phân công của Lãnh đạo Bộ.

4. Các Cục trực thuộc Bộ:

- Triển khai áp dụng Chỉ số CCHC tại đơn vị theo hướng dẫn của Vụ Tổ chức cán bộ.

- Tổng hợp số liệu, xây dựng báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC của đơn vị gửi Vụ Tổ chức cán bộ.

- Phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ trong việc tổ chức lấy phiếu điều tra để xác định Chỉ số CCHC của đơn vị.

5. Vụ Thi đua - Khen thưởng căn cứ kết quả xếp hạng chỉ số CCHC hàng năm của đơn vị, đánh giá chung vào kết quả thi đua của các đơn vị để báo cáo Hội đồng thi đua khen thưởng của Bộ.

6. Kinh phí thực hiện

- Kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC được đảm bảo bằng ngân sách nhà nước và các nguồn tài trợ hợp pháp khác (nếu có).

- Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho triển khai áp dụng Chỉ số CCHC hàng năm thực hiện theo quy định.

7. Thời gian thực hiện

- Kết quả tự đánh giá, chấm điểm CCHC của các đơn vị được gửi về Vụ Tổ chức cán bộ trước ngày 30/01 hàng năm.

- Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC hoàn thành xác định điểm, kết quả xếp hạng Chỉ số CCHC của các đơn vị trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt trước ngày 28/02 hàng năm.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 8. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng các Vụ: Tổ chức cán bộ, Pháp chế, Kế hoạch - Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Thi đua - Khen thưởng, Giám đốc Trung tâm Thông tin, Cục trưởng các Cục trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Phó Thủ tướng Trương Hòa Bình- Trưởng BCĐCCHC của Chính phủ;
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Các Vụ: KHTC, KHCN, PC, TĐKT;
- Thanh tra Bộ; Văn phòng Bộ;
- Các Cục trực thuộc Bộ;
- Vụ CCHC, Bộ Nội vụ;
- Công Thông tin điện tử Bộ;
- Lưu: VT, TCCB.

BỘ TRƯỞNG



Trương Minh Tuấn

PHỤ LỤC

Bộ Chỉ số theo dõi, đánh giá cải cách hành chính của các Cục trực thuộc Bộ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 236/QĐ-BTTTT ngày 01 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số (%)	Ghi chú
			Điều tra XHH	Đơn vị tự đánh giá	Bộ đánh giá			
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	16,5						
1.1	Kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) năm	5						
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời (trong 1 tháng kể từ ngày kế hoạch CCHC của Bộ ký ban hành)	1						
	<i>Kế hoạch đúng thời gian quy định: 1</i>							
	<i>Kế hoạch chậm so với thời gian quy định: 0,5</i>							
	<i>Không có kế hoạch: 0</i>							
1.1.2	Xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC (bảo đảm đủ 6 nội dung CCHC và Chương trình CCHC của Bộ)	1						
	<i>Xác định đầy đủ nhiệm vụ: 1</i>							
	<i>Không xác định đầy đủ nhiệm vụ: 0</i>							
1.1.3	Các kết quả trong kế hoạch được xác định rõ ràng, cụ thể	1						
	<i>Đạt yêu cầu: 1</i>							
	<i>Không đạt yêu cầu: 0</i>							
1.1.4	Kết quả thực hiện kế hoạch CCHC	2						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số (%)	Ghi chú
			Điều tra XHH	Đơn vị tự đánh giá	Bộ đánh giá			
	<i>Thực hiện từ 80% kế hoạch trở lên: 2</i>							
	<i>Thực hiện từ 70% đến dưới 80% kế hoạch: 1,5</i>							
	<i>Thực hiện từ 50% đến dưới 70% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>							
1.2	Báo cáo CCHC	3						
1.2.1	Số lượng báo cáo (2 báo cáo quý, báo cáo 6 tháng và báo cáo năm)	1						
	<i>Đủ số lượng báo cáo: 1</i>							
	<i>Không đủ số lượng báo cáo: 0</i>							
1.2.2	Tất cả báo cáo có đầy đủ nội dung theo hướng dẫn tại Công văn số 725/BNV-CCHC ngày 01/03/2012 của Bộ Nội vụ	1						
	<i>Đủ nội dung: 1</i>							
	<i>Không đủ nội dung: 0</i>							
1.2.3	Tất cả báo cáo được gửi đúng thời gian quy định (báo cáo quý gửi trước ngày 10 tháng cuối cùng của quý; báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 10/6 và báo cáo năm gửi trước ngày 05/12 hàng năm)	1						
	<i>Đúng thời gian quy định: 1</i>							
	<i>Không đúng thời gian quy định: 0</i>							
1.3	Công tác tuyên truyền CCHC	1,5						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số (%)	Ghi chú
			Điều tra XHH	Đơn vị tự đánh giá	Bộ đánh giá			
1.3.1	Kế hoạch tuyên truyền CCHC (có kế hoạch tuyên truyền riêng hoặc nằm trong kế hoạch CCHC hàng năm của đơn vị)	1						
	<i>Có kế hoạch: 1</i>							
	<i>Không có kế hoạch: 0</i>							
1.3.2	Hình thức tuyên truyền	0,5						
	<i>Trực tiếp: 0,25</i>							
	<i>Sử dụng phương tiện tuyên truyền khác (qua Internet, báo...): 0,25</i>							
	<i>Không tuyên truyền: 0</i>							
1.4	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC	2						
1.4.1	Gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng	1						
	<i>Có thực hiện: 1</i>							
	<i>Không thực hiện: 0</i>							
1.4.2	Sáng kiến trong thực hiện công tác CCHC	1						
	<i>Có sáng kiến: 1</i>							
	<i>Không có sáng kiến: 0</i>							
1.5	Bố trí nguồn lực cho công tác CCHC của đơn vị	2						
1.5.1	Bố trí cán bộ làm công tác CCHC của đơn vị	1						
	<i>Có bố trí: 1</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số (%)	Ghi chú
			Điều tra XHH	Đơn vị tự đánh giá	Bộ đánh giá			
	<i>Không bố trí: 0</i>							
1.5.2	Bố trí kinh phí thực hiện CCHC của đơn vị	1						
	<i>Có bố trí: 1</i>							
	<i>Không bố trí: 0</i>							
1.6	Kết quả chỉ đạo, điều hành CCHC của đơn vị	3						
1.6.1	Chất lượng các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC của đơn vị	1						ĐTXHH
1.6.2	Tính kịp thời của các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC của đơn vị	1						ĐTXHH
1.6.3	Tính hiệu quả của công tác chỉ đạo, điều hành CCHC của Lãnh đạo đơn vị	1						ĐTXHH
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN THỂ CHẾ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA ĐƠN VỊ	15						
2.1	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) thuộc phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị	3						
2.1.1	Kết quả thực hiện Kế hoạch xây dựng VBQPPL hàng năm của đơn vị đã được Bộ phê duyệt	2						
	<i>Thực hiện từ 80% kế hoạch trở lên: 2</i>							
	<i>Thực hiện từ 70% đến dưới 80% kế hoạch: 1,5</i>							
	<i>Thực hiện từ 50% đến dưới 70% kế hoạch: 1</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số (%)	Ghi chú
			Điều tra XHH	Đơn vị tự đánh giá	Bộ đánh giá			
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>							
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL	1						
	<i>Đúng quy định: 1</i>							
	<i>Không đúng quy định: 0</i>							
2.2	Công tác rà soát VBQPPL	3						
2.2.1	Ban hành kế hoạch rà soát VBQPPL (trong 01 tháng kể từ ngày Kế hoạch rà soát VBQPPL của Bộ được ban hành)	1						
	<i>Ban hành kế hoạch đúng thời hạn quy định: 1</i>							
	<i>Ban hành kế hoạch không đúng thời hạn quy định: 0,5</i>							
	<i>Không ban hành kế hoạch: 0</i>							
2.2.2	Kết quả thực hiện kế hoạch rà soát VBQPPL	1						
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Hoàn thành 80% đến dưới 100% kế hoạch: 0,75</i>							
	<i>Hoàn thành từ 50% đến dưới 80% kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 50% kế hoạch : 0</i>							
2.2.3	Báo cáo kết quả rà soát theo hướng dẫn	1						
	<i>Đủ nội dung và đúng thời hạn: 1</i>							
	<i>Không đủ nội dung nhưng đúng thời hạn hoặc ngược lại: 0,5</i>							
	<i>Không đủ nội dung và không đúng thời hạn: 0</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số (%)	Ghi chú
			Điều tra XHH	Đơn vị tự đánh giá	Bộ đánh giá			
2.3	Thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi QLNN của đơn vị	2						
2.3.1	Kết quả thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	1,5						
	<i>Thực hiện từ 80% kế hoạch trở lên: 1,5</i>							
	<i>Thực hiện từ 70% đến dưới 80% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Thực hiện từ 50% đến dưới 70% kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>							
2.3.2	Hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật	0,5						
	<i>Từ 2 hình thức trở lên: 0,5</i>							
	<i>Dưới 2 hình thức: 0</i>							
2.4	Thực hiện chế độ báo cáo về tình hình theo dõi thi hành pháp luật	1						
	<i>Báo cáo đúng nội dung và kịp thời theo quy định: 1</i>							
	<i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc không kịp thời theo quy định: 0</i>							
2.5	Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật thuộc phạm vi quản lý, chức năng của đơn vị	3						
2.5.1	Ban hành Kế hoạch kiểm tra, thanh tra	1						
	<i>Có ban hành: 1</i>							
	<i>Không ban hành: 0</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số (%)	Ghi chú
			Điều tra XHH	Đơn vị tự đánh giá	Bộ đánh giá			
2.5.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra	1						
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Thực hiện từ 80% đến dưới 100% kế hoạch: 0,75</i>							
	<i>Thực hiện từ 50% đến dưới 80% kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>							
2.5.3	Đề xuất xử lý các vấn đề thuộc phạm vi QLNN của đơn vị được phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	1						
	<i>100% các vấn đề thuộc phạm vi QLNN của đơn vị được phát hiện đều có đề xuất xử lý: 1</i>							
	<i>80% đến dưới 100% các vấn đề thuộc phạm vi QLNN của đơn vị được phát hiện đều có đề xuất xử lý: 0,75</i>							
	<i>50% đến dưới 80% vấn đề thuộc phạm vi QLNN của đơn vị được phát hiện có đề xuất xử lý: 0,5</i>							
	<i>Có vấn đề thuộc phạm vi QLNN của đơn vị được phát hiện nhưng không đề xuất hình thức xử lý: 0</i>							
2.6	Đánh giá thể chế, cơ chế, chính sách thuộc phạm vi QLNN của Bộ do đơn vị đề xuất xây dựng, ban hành	3						
2.6.1	Tính kịp thời của đề xuất xây dựng thể chế, cơ chế, chính sách của đơn vị	1						ĐTXHH
2.6.2	Tính khả thi của thể chế, cơ chế, chính sách đề xuất	1						ĐTXHH
2.6.3	Tính hiệu quả của thể chế, cơ chế, chính sách đề xuất	1						ĐTXHH

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số (%)	Ghi chú
			Điều tra XHH	Đơn vị tự đánh giá	Bộ đánh giá			
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	17						
3.1	Xây dựng dự thảo VBQPPL có quy định thủ tục hành chính (TTHC)	2						
3.1.1	Đánh giá tác động quy định TTHC	1						
	<i>Tất cả các TTHC trong dự thảo được đánh giá theo quy định: 1</i>							
	<i>Đánh giá chưa đầy đủ: 0</i>							
3.1.2	Lấy ý kiến góp ý về quy định TTHC trước khi gửi thẩm định	1						
	<i>Có lấy ý kiến: 1</i>							
	<i>Không lấy ý kiến: 0</i>							
3.2	Công khai TTHC	3						
3.2.1	Xây dựng, trình ban hành quyết định công bố TTHC theo quy định	1						
	<i>Xây dựng, trình ban hành kịp thời, đầy đủ theo quy định: 1</i>							
	<i>Xây dựng, trình ban hành không kịp thời hoặc không đầy đủ: 0</i>							
3.2.2	Công khai TTHC trên Cổng thông tin điện tử của Bộ	1						
	<i>Công khai đầy đủ: 1</i>							
	<i>Công khai không đầy đủ: 0</i>							
3.2.3	Niên yết TTHC	1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số (%)	Ghi chú
			Điều tra XHH	Đơn vị tự đánh giá	Bộ đánh giá			
	<i>Niêm yết công khai, đầy đủ theo quy định: 1</i>							
	<i>Không niêm yết hoặc niêm yết không đầy đủ theo quy định: 0</i>							
3.3	Rà soát, đánh giá TTHC	3						
3.3.1	Kết quả rà soát, đơn giản hóa TTHC theo Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC của Bộ	2						
	<i>Hoàn thành 100%: 2</i>							
	<i>Hoàn thành từ 80% đến dưới 100%: 1</i>							
	<i>Hoàn thành từ 50% đến dưới 70%: 0,5</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 50%: 0</i>							
3.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	1						
	<i>Xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các vấn đề qua rà soát: 1</i>							
	<i>Không thực hiện: 0</i>							
3.4	Thực hiện giải quyết TTHC	3						
	<i>100% TTHC được giải quyết đúng thời hạn: 3</i>							
	<i>Từ 90% TTHC đến dưới 100% TTHC được giải quyết đúng thời hạn: 2,5</i>							
	<i>Từ 70% đến dưới 90% TTHC được giải quyết đúng thời hạn: 1,5</i>							
	<i>Từ 50% đến dưới 70% TTHC được giải quyết đúng thời hạn:</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số (%)	Ghi chú
			Điều tra XHH	Đơn vị tự đánh giá	Bộ đánh giá			
	1							
	<i>Dưới 50% TTHC được giải quyết đúng thời hạn: 0</i>							
3.5	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính	2						
3.5.1	Thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân đối với TTHC thuộc đơn vị thực hiện	1						
	<i>Thực hiện đầy đủ quy định của Chính phủ: 1</i>							
	<i>Không thực hiện đầy đủ quy định của Chính phủ: 0</i>							
3.5.2	Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC đơn vị thực hiện	1						
	<i>100% phản ánh, kiến nghị trở lên được xử lý hoặc đề nghị xử lý: 1</i>							
	<i>Từ 80% phản ánh, kiến nghị đến dưới 100% được xử lý hoặc đề nghị xử lý: 0,75</i>							
	<i>Từ 50% đến dưới 80% phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc đề nghị xử lý: 0,5</i>							
	<i>Dưới 50% phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc đề nghị xử lý: 0</i>							
3.6	Đánh giá chất lượng TTHC thuộc phạm vi QLNN của đơn vị và chất lượng giải quyết TTHC của đơn vị	4						
3.6.1	Tính cần thiết, hợp lý, hợp pháp của TTHC thuộc phạm vi QLNN của đơn vị	1						ĐTXHH

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số (%)	Ghi chú
			Điều tra XHH	Đơn vị tự đánh giá	Bộ đánh giá			
3.6.2	Mức độ thuận tiện trong việc thực hiện TTHC thuộc phạm vi QLNN của đơn vị	1						ĐTXHH
3.6.3	Tính kịp thời trong giải quyết TTHC của đơn vị	1						ĐTXHH
3.6.4	Tính công khai, minh bạch trong giải quyết TTHC của đơn vị	1						ĐTXHH
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ	10						
4.1	Tuân thủ các quy định của Chính phủ và của Bộ về tổ chức bộ máy	2						
	<i>Thực hiện đầy đủ theo quy định: 2</i>							
	<i>Không thực hiện đầy đủ theo quy định: 0</i>							
4.2	Thực hiện phân cấp quản lý	3						
4.2.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ, Bộ ban hành	1						
	<i>Thực hiện đầy đủ các quy định: 1</i>							
	<i>Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0</i>							
4.2.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi QLNN của đơn vị đã được phân cấp cho địa phương/tổ chức trực thuộc	1						
	<i>Có thực hiện: 1</i>							
	<i>Không thực hiện: 0</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số (%)	Ghi chú
			Điều tra XHH	Đơn vị tự đánh giá	Bộ đánh giá			
4.2.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1						
	<i>100% các vấn đề phát hiện trở lên có đề xuất xử lý: 1</i>							
	<i>Từ 80% đến dưới 100% các vấn đề phát hiện có đề xuất xử lý: 0,75</i>							
	<i>Từ 50% đến dưới 80% các vấn đề phát hiện có đề xuất xử lý: 0,5</i>							
	<i>Dưới 50% vấn đề phát hiện có đề xuất xử lý: 0</i>							
4.3	Quy chế làm việc của đơn vị	3						
4.3.1	Ban hành quy chế làm việc của đơn vị	1,5						
	<i>Có ban hành: 1,5</i>							
	<i>Chưa ban hành: 0</i>							
4.3.2	Thực hiện Quy chế làm việc của đơn vị	1,5						
	<i>Thực hiện theo đúng Quy chế: 1,5</i>							
	<i>Thực hiện không đúng Quy chế: 0</i>							
4.4	Đánh giá tổ chức bộ máy hành chính của đơn vị	2						
4.4.1	Mức độ gọn nhẹ của tổ chức bộ máy đơn vị	1						ĐTXHH
4.4.2	Hiệu quả hoạt động của đơn vị	1						ĐTXHH
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	15,5						
5.1	Tuyển dụng, bố trí sử dụng công chức, viên chức	3						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số (%)	Ghi chú
			Điều tra XHH	Đơn vị tự đánh giá	Bộ đánh giá			
5.1.1	Thực hiện đúng quy định về tuyển dụng công chức tại các đơn vị	1						
	<i>Đúng quy định: 1</i>							
	<i>Không đúng quy định: 0</i>							
5.1.2	Thực hiện đúng quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị	1						
	<i>Đúng quy định: 1</i>							
	<i>Không đúng quy định: 0</i>							
5.1.3	Bố trí công chức, viên chức theo vị trí việc làm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	1						
	<i>Thực hiện đúng: 1</i>							
	<i>Thực hiện chưa đúng: 0</i>							
5.2	Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	2						
5.2.1	Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hàng năm (trong quý IV của năm trước năm kế hoạch hoặc tháng 1 của năm kế hoạch) của đơn vị	1						
	<i>Ban hành kịp thời: 1</i>							
	<i>Ban hành không kịp thời: 0,5</i>							
	<i>Không có kế hoạch: 0</i>							
5.2.2	Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức,	1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số (%)	Ghi chú
			Điều tra XHH	Đơn vị tự đánh giá	Bộ đánh giá			
	viên chức của đơn vị							
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Thực hiện từ 80% đến dưới 100% kế hoạch: 0,75</i>							
	<i>Thực hiện từ 50% đến dưới 80% kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>							
5.3	Thực hiện chính sách tinh giản biên chế	2						
5.3.1	Ban hành kế hoạch tinh giản biên chế hàng năm	1						
	<i>Ban hành kịp thời (trước ngày 15/2 hàng năm): 1</i>							
	<i>Không ban hành hoặc ban hành không kịp thời: 0</i>							
5.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế	1						
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Thực hiện từ 80% đến dưới 100% kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Thực hiện dưới 80% kế hoạch: 0</i>							
5.4	Đổi mới công tác quản lý công chức, viên chức	3						
5.4.1	Thực hiện đánh giá công chức, viên chức của đơn vị trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao	1						
	<i>Thực hiện đúng quy định và báo cáo đúng thời hạn: 1</i>							
	<i>Thực hiện đúng quy định nhưng báo cáo không đúng thời hạn hoặc ngược lại: 0,5</i>							
	<i>Không thực hiện, không báo cáo: 0</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số (%)	Ghi chú
			Điều tra XHH	Đơn vị tự đánh giá	Bộ đánh giá			
5.4.2	Ban hành tiêu chí đánh giá, phân loại công chức, viên chức của đơn vị	1						
	<i>Có ban hành: 1</i>							
	<i>Không ban hành: 0</i>							
5.4.3	Thực hiện quy định về bổ nhiệm lãnh đạo cấp phòng và tương đương	1						
	<i>Thực hiện đúng quy định: 1</i>							
	<i>Thực hiện không đúng quy định: 0</i>							
5.5	Thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác theo quy định của pháp luật	1						
	<i>Có thực hiện: 1</i>							
	<i>Không thực hiện: 0</i>							
5.6	Chất lượng công chức, viên chức	4,5						
5.6.1	Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của công chức, viên chức	1,5						ĐTXHH
5.6.2	Tinh thần trách nhiệm đối với công việc của công chức, viên chức	1,5						ĐTXHH
5.6.3	Thái độ phục vụ của công chức, viên chức	1,5						ĐTXHH
6	ĐỔI MỚI CƠ CHẾ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC ĐƠN VỊ	9,5						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số (%)	Ghi chú
			Điều tra XHH	Đơn vị tự đánh giá	Bộ đánh giá			
6.1	Quy chế chi tiêu nội bộ	2						
6.1.1	Ban hành và cập nhật kịp thời Quy chế chi tiêu nội bộ theo các quy định hiện hành liên quan	1						
	<i>Ban hành, cập nhật kịp thời: 1</i>							
	<i>Ban hành, cập nhật không kịp thời: 0</i>							
6.1.2	Ban hành và thực hiện quy trình nội bộ về thanh toán	1						
	<i>Có ban hành và thực hiện đúng quy trình: 1</i>							
	<i>Không ban hành hoặc không thực hiện đúng quy trình: 0</i>							
6.2	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Cục	3						
6.2.1	Các tổ chức sự nghiệp trực thuộc được giao tự chủ tài chính	1						
	<i>100% đơn vị trực thuộc được giao tự chủ tài chính: 1</i>							
	<i>Dưới 100% đơn vị trực thuộc được giao tự chủ tài chính: 0</i>							
6.2.2	Mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc (tính trên tỷ lệ thu/chi)	2						
	<i>Tự chủ trên 50%: 2</i>							
	<i>Tự chủ từ 30 % đến dưới 50%: 1</i>							
	<i>Tự chủ từ 20% đến dưới 30%: 0,5</i>							
	<i>Tự chủ dưới 20%: 0</i>							
6.3	Quản lý sử dụng ngân sách được giao	3						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số (%)	Ghi chú
			Điều tra XHH	Đơn vị tự đánh giá	Bộ đánh giá			
6.3.1	Xây dựng dự toán thu, chi ngân sách năm	1						
	<i>Gửi Vụ Kế hoạch - Tài chính đúng thời hạn quy định: 1</i>							
	<i>Gửi Vụ Kế hoạch - Tài chính không đúng thời hạn quy định: 0</i>							
6.3.2	Thực hiện dự toán thu, chi hàng năm	2						
	<i>Thực hiện trên 90%: 2</i>							
	<i>Thực hiện từ 70% đến dưới 90%: 1,5</i>							
	<i>Thực hiện từ 50% đến dưới 70%: 1</i>							
	<i>Chưa kịp thời: 0</i>							
6.4	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại đơn vị	1,5						ĐTXHH
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	16						
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của đơn vị	9,5						
7.1.1	Đơn vị có kế hoạch ứng dụng CNTT riêng hoặc có trong kế hoạch ứng dụng CNTT của Bộ	1						
	<i>Có kế hoạch: 1</i>							
	<i>Không có kế hoạch: 0</i>							
7.1.2	Kết quả thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT của đơn vị được phê duyệt	2						
	<i>Từ 80% kế hoạch trở lên: 2</i>							
	<i>Từ 70% đến dưới 80% kế hoạch: 1,5</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số (%)	Ghi chú
			Điều tra XHH	Đơn vị tự đánh giá	Bộ đánh giá			
	<i>Từ 50% đến dưới 70% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Dưới 50% kế hoạch: 0</i>							
7.1.3	Số tổ chức thuộc và trực thuộc đơn vị thường xuyên sử dụng phần mềm quản lý văn bản	1						
	<i>100% đơn vị thường xuyên sử dụng: 1</i>							
	<i>Từ 80% đến dưới 100% số đơn vị thường xuyên sử dụng: 0,5</i>							
	<i>Dưới 80% số đơn vị thường xuyên sử dụng: 0</i>							
7.1.4	Cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ	1						
	<i>Cung cấp kịp thời: 1</i>							
	<i>Không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời: 0</i>							
7.1.5	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3	2						
	<i>Cung cấp 70% dịch vụ trở lên: 2</i>							
	<i>Cung cấp từ 50% đến dưới 70% dịch vụ: 1,5</i>							
	<i>Cung cấp từ 20% đến dưới 50% dịch vụ: 1</i>							
	<i>Có cung cấp đến dưới 20% dịch vụ: 0,5</i>							
	<i>Không cung cấp: 0</i>							
7.1.6	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4	1,5						
	<i>Có 3 dịch vụ công trở lên: 1,5</i>							
	<i>Có 2 dịch vụ công: 1</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số (%)	Ghi chú
			Điều tra XHH	Đơn vị tự đánh giá	Bộ đánh giá			
	<i>Có 1 dịch vụ công: 0,5</i>							
	<i>Không cung cấp: 0</i>							
7.1.7	Kết nối, tích hợp dịch vụ công trực tuyến với Cổng Thông tin điện tử của Bộ	1						
	<i>Có kết nối, tích hợp: 1</i>							
	<i>Không kết nối, tích hợp: 0</i>							
7.2	Cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử của đơn vị	3						
7.2.1	Tính kịp thời của thông tin	1						ĐTXHH
7.2.2	Mức độ đầy đủ của thông tin về các lĩnh vực QLNN của đơn vị	1						ĐTXHH
7.2.3	Mức độ thuận tiện trong truy cập, khai thác thông tin trên Cổng thông tin điện tử của đơn vị	1						
	<i>Cổng thông tin điện tử của đơn vị truy cập được bất cứ lúc nào: 1</i>							
	<i>Cổng thông tin điện tử của đơn vị không đảm bảo truy cập được bất cứ lúc nào: 0</i>							
7.3	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 trong hoạt động của đơn vị (sau đây viết tắt là ISO)	4						
7.3.1	Có bản công bố ISO trong hoạt động của đơn vị	2						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số (%)	Ghi chú
			Điều tra XHH	Đơn vị tự đánh giá	Bộ đánh giá			
	<i>Có bản công bố ISO: 2</i>							
	<i>Không bản công bố ISO: 0</i>							
7.3.2	Thực hiện đúng quy định ISO trong hoạt động	2						
	<i>Thực hiện đúng và đầy đủ quy định ISO: 2</i>							
	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ quy định ISO: 0</i>							
	TỔNG	100	20	80				